

Bản án số: 50/2021/DS-PT

Ngày: 16 - 03 - 2021

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương.

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TBTL-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2021/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1955 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Ch: Anh Lê Văn L, sinh năm 1983 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 06 đường H, khu vực L, phường B, thị xã An, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn Ch: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư đang hoạt động tại Văn phòng luật sư Nguyễn H thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 10/08 đường H, khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Lê T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 10/10 đường H, khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1946 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Lê C, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (Có mặt).

5. Chị Lê Thị Dương Th, sinh năm 1990 (Có mặt).

6. Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 10/08 đường H, khu vực L, phường B, thị xã A, Bình Định.

7. Chị Lê Thị T, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm A, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

8. Chị Lê Thị Thơ, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tr, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

9. Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 10/10 đường H, khu vực L, phường B, thị xã A, Bình Định.

10. Chị Lê Thị Thanh D, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 23 đường P, tổ 01, khu vực 8, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

11. Chị Lê Thị Thanh D, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Ch là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Cha ông Ch là cụ Lê Qu (chết năm 1990), mẹ ông Ch là cụ Nguyễn Thị M (chết năm 2008), không để lại di chúc. Cụ Qu và cụ M sinh 06 người con gồm: Ông Lê Văn C, ông Lê C, ông Lê Văn Ch, ông Lê Văn T, ông Lê T, bà Lê Thị Th, ngoài ra không có người con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ Di sản cụ Qu cụ M để lại là thửa đất ở có diện tích khoảng 1000m² tại khu vực L, phường B; trên đất cụ Qu cụ M có xây dựng ngôi nhà vách đất, mái tôn. Khi Cụ Qu còn sống thì ông T xây dựng nhà phía Đông thửa đất, ông Lê T ở chung nhà với cụ Qu cụ M, sau khi cụ Qu mất, ông Lê T tự tháo dỡ nhà cũ xây dựng nhà mới và hiện nay đang sử dụng. Khi ông T và ông Lê T xây nhà cụ Qu cụ M và các con của hai cụ

không ai có ý kiến gì. Trên thửa đất của ông Lê T sử dụng có 01 ngôi nhà tạm do cụ Qu cụ M xây dựng, sau khi cụ M mất thì vợ chồng của chị Th (con gái ông Lê T) ở và có tu sửa lát nền gạch, hom tô. Việc ông Lê T và ông T tự ý kê khai quyền sử dụng đất của cụ Qu cụ M và được Nhà nước cấp quyền sử dụng cho ông T và ông Lê T ở thời điểm nào ông Ch không biết. Riêng cụ M có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, sau khi cụ M chết, phần ruộng của cụ được giải tỏa đền bù và số tiền đó đã phân chia cho các anh em xong.

Khi cụ Qu cụ M còn sống thì ông C ở phần nhà đất do ông bà để lại làm nhà từ đường, ông Lê C ở phần nhà đất bên phía cụ M, ông Ch tu sửa chuồng bò của cụ Qu cụ M ở trên phần đất cùng thửa với ông C, ông Ch ở khoảng vài năm rồi tự mua chỗ đất khác ở, ông Lê T và ông T ở phần đất hiện ông Ch yêu cầu chia thừa kế đang tranh chấp. Ông Ch xác định di sản của cụ Qu cụ M để lại chưa chia gồm: Thửa đất 210 và thửa đất 211, tờ bản đồ số 11 ở khu vực L, phường B hiện do ông T, ông Lê T quản lý sử dụng và ngôi nhà tạm nay vợ chồng chị Th tu sửa lại ở.

Nay ông Ch yêu cầu phân chia di sản thừa kế trên cho những người hàng thừa kế thứ nhất của cụ Qu và cụ M theo quy định pháp luật, Ông yêu cầu được nhận bằng phần diện tích đất, không tranh chấp về ngôi nhà tạm của cụ Qu cụ M để lại. Ngoài di sản trên không còn di sản nào khác.

Bị đơn ông Lê T, trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của anh L về mối quan hệ gia đình, họ tên cha mẹ và các chị em trong gia đình cũng như thời gian cha mẹ chết. Nguồn gốc 02 thửa đất đang tranh chấp do cụ Qu cụ M tạo lập. Khoảng năm 1988 cụ Qu cụ M đã chia thửa đất, phần đất phía Đông cho ông Ty xây nhà ở, ông Lê T ở chung nhà với hai cụ, sau khi cụ Qu mất, ông Lê T đã tháo dỡ nhà cũ xây dựng nhà mới và hiện nay đang sử dụng. Thời điểm trên Ông xây ngôi nhà tạm bên cạnh cho cụ M ở. Trước năm 1993, thửa đất tranh chấp nói trên ai là người kê khai Ông không biết, nhưng từ năm 1993 gia đình Ông và gia đình ông T kê khai và đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất theo hộ gia đình. Thửa số 210, tờ bản đồ 11, diện tích 457m² do ông Lê Văn T sử dụng và thửa số 211 tờ bản đồ 11, diện tích 547m² do Ông sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã An Nhơn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng hai thửa đất nói trên không có ai tranh chấp. Hộ gia đình Ông được cấp 05 nhân khẩu gồm: Ông Lê T, bà Nguyễn Thị D, chị Lê Thị Th, chị Lê Thị T và chị Lê Thị Dương Th. Trước khi chết, cụ Qu cụ M không có để lại di chúc nhưng cụ Qu cụ M đã phân chia đất cho 05 người con trai là ông Lê Văn C, ông Lê C, ông Lê Văn Ch, ông Lê T và ông Lê Văn T xong. Phần nhà đất ông C, ông Lê C là do cụ Qu cụ M xây dựng giao nhà ở. Phần ông Ch cụ Qu cụ M chỉ đất cùng thửa với ông C, cụ thể là chuồng bò do cụ Qu cụ M xây dựng, ông Ch đã tu sửa chuồng bò lại để ở, khoảng 10 năm sau đó ông Ch bán tôn và sườn nhà, tự

mua chỗ ở khác. Ông Lê T và ông T cụ Qu cụ M đã chia đôi thửa vườn có ranh giới và Ông đã xây dựng nhà ở hơn 30 năm nay, các anh em trong gia đình không có ai tranh chấp và không ai có ý kiến gì.

Nay Ông không chấp nhận yêu cầu của ông Ch vì thửa đất mà Ông đang ở là đã phân cụ Qu cụ M đã chia cho Ông và Ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Bị đơn ông Lê Văn T, trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ như lời trình bày của ông Lê T về mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ Qu cụ M chết, tài sản tranh chấp, tài sản cụ Qu cụ M đã phân chia cho các anh em trai như ông Lê T trình bày. Ông Chính đã được cụ Qu cụ M chia phần chuồng bò ở gần 10 năm rồi mới chuyển nơi ở khác. Ông xây nhà khi cụ Qu cụ M còn sống, việc Ông và ông Lê T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 210 và thửa đất số 211 cụ M và các anh em trong gia đình đều biết, cụ M được Nhà nước cấp ruộng và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Thời điểm kê khai ruộng đất thì hộ gia đình Ông có 04 nhân khẩu gồm: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị Minh H, chị Lê Thị Thanh D, chị Lê Thị T. Năm 2018 ông đã làm thủ tục bổ sung tài sản trên đất nên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp sổ hồng.

Nay Ông không chấp nhận yêu cầu của ông Ch về chia di sản thừa kế, vì thửa đất hiện Ông đang ở cụ Qu cụ M đã phân chia cho Ông, hiện không còn di sản nào của cụ Qu cụ M để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C, trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của ông Lê T về mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ Qu cụ M chết, nguồn gốc đất tranh chấp. Khi cụ Qu còn sống đã bán bò cho tiền ông T xây dựng nhà; ông Lê T sống chung nhà với cụ Qu cụ M. Sau khi cụ Qu chết ông Lê T tháo dỡ nhà cũ xây dựng nhà mới hiện nay đang ở, việc ông Lê T xây nhà cụ M và các anh em không ai có ý kiến gì. Năm 1993, ông T và ông Lê T đăng ký quyền sử dụng đất đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất, cụ M và các anh em trong gia đình không ai có ý kiến gì và cũng không ai tranh chấp. Năm 2001 cụ M xây nhà tạm khoảng 4m x 5m để ở trên phần đất hiện ông Lê T đang quản lý, hiện ngôi này vợ chồng con gái ông Lê T tu sửa lại để ở. Phần nhà, đất Ông đang ở là do ông bà để lại làm nhà từ đường, ông Lê C ở phần đất phía bên bà nội, phần ông Ch trước đây ở phần đất cùng thửa với ông, ông Ch đã tu sửa chuồng bò của cha mẹ để ở khoảng 03 năm rồi tháo dỡ tôn bán, còn dàn cây bán lại cho Ông giá 01 chỉ vàng y. Thửa đất số 210 và thửa đất số 211 đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông T và ông Lê T là di sản của cụ Qu và cụ M chưa phân chia. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu của ông Ch và chia thừa kế di sản nói trên thì kỹ phần của Ông được hưởng, ông tự nguyện để lại cho ông T và ông Lê T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê C, trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của ông Lê T về mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ Qu cụ M chết, nguồn gốc đất tranh chấp. Tài sản nhà và đất, cụ Qu cụ M đã phân chia cho 05 người con trai. Ông Ch cụ Qu chia ở phần đất chuồng bò cùng thửa với ông C, ông Ch ở khoảng 10 năm sau đó bán mua thửa đất khác ở. Thời gian ông T và ông Lê T xây nhà, kê khai quyền sử dụng đất và được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 210 và thửa đất số 211 các thành viên trong gia đình ai cũng biết nhưng không ai khiếu nại, không có ai tranh chấp và cũng không ai có ý kiến gì. Cụ M thì được Nhà nước cấp riêng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng. Nay ông xác định cụ Qu cụ M chết không có để lại di chúc và cũng không có để lại di sản nào cả; 02 thửa đất đang tranh chấp cụ Qu cụ M đã cho ông Lê T và ông T. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chính thì kỹ phần thừa kế Ông được hưởng Ông tự nguyện để lại cho ông T và ông Lê T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th, trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông Lê T về mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ Qu cụ M chết, nguồn gốc tài sản tranh chấp và việc định đoạt tài sản của cụ Qu cụ M khi hai cụ còn sống, 05 người con trai của hai cụ ai cũng được chia nhà đất để ở. Cụ Qu cụ M chết không có để lại di chúc và cũng không có để lại di sản. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch mà có phân chia di sản thì kỹ phần thừa kế của Bà được hưởng Bà để lại cho ông T và ông Lê T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, trình bày:

Bà là vợ ông Lê T, Bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông Lê T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Dương Th, trình bày:

Chị là con gái của ông Lê T, chị thống nhất như lời trình bày của ông Lê T về nguồn gốc đất đang tranh chấp. Ngôi nhà hiện nay chị đang ở là nhà tạm do ông Lê T xây cho cụ M ở. Năm 2014, vợ chồng chị có tu sửa lại nhà để ở. Nay Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch vì thửa đất 211 là tài sản của gia đình chị. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, chia diện tích đất nói trên thì phải thối lại giá trị tu sửa nhà cho vợ chồng chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh T, trình bày:

Anh là chồng của chị Th. Anh Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của chị Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Th, chị Lê Th, thống nhất trình bày:

Hai Chị là con gái của ông Lê T, hai chị thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông Lê T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Minh H trình bày:

Bà là vợ của ông T, bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh D, chị Lê Thị Thanh D, thống nhất trình bày:

Chị là con gái của ông T, chị thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ch về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 14/10/2020 nguyên đơn ông Lê Văn Ch, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận chia thừa kế tài sản của cha mẹ Ông để lại cho các đồng thừa kế.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C, chị Lê Thị Th, chị Lê Thị Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn Ch, thấy rằng:

[2.1] Cụ Lê Qu (chết năm 1990) và vợ là cụ Nguyễn Thị M (chết năm 2008), không để lại di chúc. Ông Lê Văn C, ông Lê C, ông Lê Văn Ch, ông Lê T, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Th là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Qu và cụ M. Sinh thời, hai cụ đã tạo lập được thửa đất 523, tờ bản đồ số 1, diện tích 890m² (theo sổ mục kê năm 1983) tại thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định. Vào khoảng năm 1988 hai cụ đã chia đều nhà đất do tổ tiên, ông bà để lại cùng thửa đất do vợ chồng hai cụ tạo lập cho các con sử dụng. Thửa đất 523 được chia cho ông T và ông Lê T sử dụng, cụ thể là ông T sử dụng phần đất ở phía Đông để xây nhà ở (nay là thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11, diện tích 457m²), ông Lê T ở với hai cụ (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 11, diện tích 547m²). Năm 1993 ông Lê T dỡ ngôi nhà cũ của hai cụ xây dựng lại ngôi hiện nay. Sau khi được hai cụ chia nhà đất các ông đều thống nhất và không ai có ý kiến gì. Vậy thực tế ông T và ông Lê T quản lý thửa đất đang tranh chấp trên, trước năm 1993 cho đến nay, sử dụng công khai liên tục.

[2.2] Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ thì hộ ông T và hộ ông Lê T là hộ sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, khi kê khai đăng ký thì thửa đất số 523 được tách thành 02 thửa: Thửa đất số 210, tờ bản đồ 11, diện tích 457m² do ông T chủ hộ, thời điểm giao quyền có 04 nhân khẩu gồm ông T, bà H, chị D, chị T. D. Thửa đất số 211, tờ bản đồ 11, diện tích 547m² do ông Lê T kê khai, ông Lê T làm chủ hộ, thời điểm giao quyền có 05 nhân khẩu gồm ông Lê T, bà D, chị Th, chị T, chị Th. Tất cả các hộ dân ở tại địa phương đều biết việc triển khai để xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp GCNQSD cho 02 hộ gia đình ông Lê T và ông T là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật, qua kiểm tra sổ sách không có ai khiếu nại hay tranh chấp gì về việc cấp giấy chứng nhận nói trên. Thời điểm kê khai quyền sử dụng đất năm 1993, thì cụ M đang ở trên thửa đất nói trên nhưng cụ cũng không kê khai, không khiếu nại.

[2.3] Mặt khác, theo lời khai ngày 26/8/2020 ông Ch cũng đã thừa nhận: *“Cha mẹ có chỉ vợ chồng tôi qua chuồng bò ở khoảng 8-9 năm, tự mua đất khác ở, phần chuồng bò dỡ tôn bán... việc ông T, ông Lê T xây nhà các anh em hòa thuận không ai có ý kiến gì, các ông tự bỏ tiền xây nhà..., ông T và ông Lê T tự kê khai cấp sổ đỏ cùng thời điểm với tôi”*. Thể hiện, trước đó ông cũng đã được cha mẹ chỉ chỗ ở và ông biết việc ông T và ông Lê T xây nhà, kê khai cấp GCNQSD nhưng ông không có ý kiến phản đối gì.

[2.4] Thời điểm ông T và ông Lê T xây nhà thì các cụ và các anh em trong gia đình không ai có ý kiến phản đối, vợ chồng ông Lê T và vợ chồng ông T đã xây nhà kiên cố trên diện tích đất để ở, đã sử dụng nhà, đất liên tục công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, án sơ thẩm áp dụng án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, để xác định thửa đất số 210, tờ bản đồ 11 do ông Lê Văn T đang quản lý sử dụng và thửa đất số 211, tờ bản đồ 11 do ông Lê T đang quản lý sử dụng là tài sản được cụ Qu và cụ M tặng cho quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình là có căn cứ.

[2.5] Trước khi chết, cụ Qu và cụ M đã phân chia tài sản đang tranh chấp xong, thực tế đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai suốt thời gian gần 30 năm qua, không ai tranh chấp, nên án sơ thẩm áp dụng án lệ số 24/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐCA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xác định 02 thửa đất trên không còn là di sản thừa kế của cụ Qu và cụ M mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình ông Lê T và ông Lê Văn T. Vậy tài sản là di sản thừa kế của cụ Qu và cụ M không còn nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch là có cơ sở.

[2.6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ch, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về chi phí tố tụng: Lệ phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), yêu cầu khởi kiện của ông Ch không chấp nhận nên theo quy định khoản 1 Điều 157 BLTTDS thì ông Ch phải chịu, ông Ch đã nộp xong.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê Văn Ch là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên ông Ch không phải chịu.

[6] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa nên không được chấp nhận.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Ch. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 611, 612, 623, 649 và Điều 651 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội;

- Áp dụng án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng án lệ số 24/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐCA ngày 06/11/2018, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Ch.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ch về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.
4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn Ch phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản, ông Chính đã nộp xong.
5. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Ch không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm